

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2024 – 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Trường Mẫu giáo Phú An.
- Địa chỉ: ấp Phú Quới, xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
- Địa chỉ thư điện tử: c0phuanpt@angiang.edu.vn
- Trang thông tin điện tử: <http://mgphuanpt.agg.edu.vn>
- Loại hình: Trường công lập.
- Sứ mạng “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”.
- Tầm nhìn “Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.
- Giá trị cốt lõi:
 - + Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
 - + Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em tàn tật, khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:
 - + Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Vĩnh Huy.
 - + Quyết định số 297/QĐ.UB.TC ngày 27 tháng 08 năm 2001 của UBND huyện Phú Tân về việc thành lập trường Mẫu giáo Phú An.
 - + Trường Mẫu giáo Phú An là cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi.
 - + Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.
 - + Trường Mẫu giáo Phú An thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường và các quy định pháp luật có liên quan.

+ Trường Mẫu giáo Phú An là cơ sở giáo dục công lập của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

+ Nhà trường hỗ trợ các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên cùng một địa bàn theo sự phân công của cấp có thẩm quyền và thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Điều 2 của Điều lệ trường mầm non.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc/HĐLĐ Năm 2024			Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp
		Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành)				
LĐQL.01.01	Hiệu trưởng	01	00	00	GVMN hạng II
LĐQL.01.02	Phó hiệu trưởng	01	00	00	GVMN hạng II
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành)				
NVCN.02.03	Giáo viên Mầm non Hạng I	00	00	00	
NVCN.02.04	Giáo viên Mầm non Hạng II	07	00	00	
NVCN.02.05	Giáo viên Mầm non Hạng III	03	00	00	
NVCN.02.06	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	00	00	00	Kiểm nhiệm

III	VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)				
CMDC.03.07	Kế toán viên trung cấp	01	00	00	Kế toán viên hạng IV
CMDC.03.08	Văn thư viên trung cấp	00	00	00	Kiểm nhiệm
CMDC.03.09	Nhân viên Thủ quỹ	00	00	00	Kiểm nhiệm
CMDC.03.10	Y tế học đường	01	00	00	Y sĩ hạng IV
CMDC.03.11	Thư viện viên hạng IV	00	00	00	Kiểm nhiệm
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)				
HTPV.04.12	Nhân viên Bảo vệ	00	00	01	
HTPV.04.13	Nhân viên Phục vụ	00	00	01	
HTPV.04.14	Nhân viên Nấu ăn	00	00	01	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

01 Hiệu trưởng: UBND huyện đánh giá: Tốt

01 Phó Hiệu trưởng: UBND huyện đánh giá: Tốt

07 Giáo viên: 04 Tốt; 03 Khá.

Tỷ lệ: 6/9 Tốt (66,67%); 3/9 Khá (33,33%)

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 09/09 (100%). Trong đó, Ban giám hiệu: 02; Giáo viên: 07.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	DANH MỤC CSVC	Số lượng	Đơn vị tính	Tỷ lệ còn lại
I	Tài sản cố định vô hình :			
	Đất đai	2.658		
1	Diện tích đất điểm chỉnh (chưa có giấy QSDĐ)	1.144	m2	100%
2	Điểm lẻ	937	m2	100%
3	Điểm lẻ 1	287	m2	100%
4	Điểm lẻ 2	290	m2	100%
	TS vô hình khác			
1	Phần mềm kế toán Misa	1	Hệ thống	100%
2	Phần mềm quản lý tài sản	1	Hệ thống	100%
3	Phần mềm quản lý cán bộ	1	Hệ thống	100%
4	Phần mềm kiểm định chất lượng	1	Hệ thống	100%
5	Phần mềm quản lý trường mầm non BiKids	1	Hệ thống	100%
6	Phần mềm mua sắm tài sản công	1	Hệ thống	100%
II	Tái sản cố định hữu hình			
	Phòng học			
1	Số phòng học/số lớp	10/07		
2	Loại phòng học	10		
3	Phòng học kiên cố	04		
4	Phòng học bán kiên cố	06		
	Nhà cửa, vật kiến trúc			
1	Nhà vệ sinh	16	m2	50%
2	Văn Phòng (BGH)	66	m2	13%
3	Phòng học (7 phòng)	544	m2	40%
4	Hàng rào Pê tông	33	m	80%
5	Máy Vi Tính	3	cái	20%
6	Máy in	4	Cái	20%
7	Máy tính xách tay	2	Cái	80%
8	Bảng đèn LED	1	Cái	90%
9	Hệ thống điện	1	Hệ thống	60%
10	Hệ thống nước	1	Hệ thống	100%
11	Loa di động	1	Cái	80%

12	Bình chữa cháy	2	Cái	80%
----	----------------	---	-----	-----

		Có	Không
III	Nguồn nước sinh hoạt	X	
IV	Nguồn điện	X	
V	Kết nối internet	X	
VI	Trang thông tin điện tử của trường	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Qua quá trình tiến hành tự đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	X			
Tiêu chí 2.2	X			
Tiêu chí 2.3		X	X	X

Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	X			
Tiêu chí 3.2	X			
Tiêu chí 3.3	X			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Không đạt

2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1 điều 22		X	
Khoản 2 điều 22		X	
Khoản 3 điều 22		X	
Khoản 4 điều 22		X	
Khoản 5 điều 22		X	
Khoản 6 điều 22		X	

Kết quả: Không đạt mức 4

Trường Mẫu giáo Phú An tự đánh giá chưa đạt mức 1. Theo dự kiến đến năm 2030 nhà trường sẽ nâng lên mức 2 và đạt trường chuẩn quốc gia mức 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Về chất lượng giáo dục cuối học kỳ II năm học 2024 – 2025 chuyên cần: 98.98%;
Công tác duy trì sĩ số: 100%

Đạt giáo viên giỏi huyện: 01 giáo viên; Đạt sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện có 06 bài.

Thành tích Lao động tiên tiến: cá nhân 12, tập thể 03

Khảo sát chữ cái, chữ số 4 lớp Lá của trường đạt 100%

Tỷ lệ huy động đầu năm học toàn trường: 223/211 đạt 105,69% (5 tuổi 100/95 đạt 105,26%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẪU GIÁO PHÚ AN

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	2. 134.680.377	2. 134.680.377	
	a. Từ NSNN cấp	02	2. 134.680.377	2. 134.680.377	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	2. 029.407.095	2. 029.407.095	
	a. Chi phí hoạt động	06	2. 029.407.095	2. 029.407.095	
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	09	105. 273.282	105. 273.282	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10	56.972.000	56.972.000	
2	Chi phí	11	17.035.680	17.035.680	
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	39.936.320	39.936.320	

III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20	95.389	95.389	
2	Chi phí	21			
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	95.389	95.389	
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30			
2	Chi phí khác	31			
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
V	Chi phí thuế TNDN	40			
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	145.304.991	145.304.991	
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2	Phân phối cho các quỹ	52			
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53			

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHO HỌC SINH
THUỘC DIỆN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025**

Nội dung	Học kỳ II		Tổng số tiền
	Số trẻ	Số tiền	
Ăn trưa	4	3.200.000	3.200.000
Chi phí học tập	4	3.000.000	3.000.000
Cấp bù học phí	2	450.000	450.000
Cộng:		6.650.000	6.650.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Nâng cao năng lực, kỹ năng giảng dạy STEAM, xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm trong năm học 2024 – 2025.

Không ngừng phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên và nhân viên, công khai dân chủ trong thực hiện chế độ chính sách bảo đảm lợi ích của người lao động, động viên khen thưởng và xử lý kịp thời, tăng cường vai trò quản lý của lãnh đạo trường, đảm bảo kỷ cương trong nhà trường, đẩy mạnh phong trào thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong năm học.

Trên đây là báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên học kỳ II năm học 2024 - 2025 của trường Mẫu Giáo Phú An ./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Vĩnh Huy